

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **104/2022/HNGĐ-ST**
Ngày 04/8/2022
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hòa;

2. Bà Diệp Thị Thu Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Công Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Dáng Hương, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 29/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2022 về việc “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 152/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh **Đ.V.N**, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Tổ , ấp H, xã Đ, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. (có mặt).

* Bị đơn: Chị **L.T.H**, sinh năm 1995;

Địa chỉ: tổ , ấp H, xã Đ, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 17/12/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh **Đ.V.N** trình bày như sau: anh và chị **L.T.H** tự tìm hiểu và tiến tới kết hôn với nhau vào năm 2012, có tổ chức đám

cưới, hôn nhân lần thứ nhất của cả hai. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Định Thành, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang ngày 14/3/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 12/2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ tháng 7/2021 tới nay. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Sau đó, hai vợ chồng có cự cãi với nhau thì chị H bỏ nhà đi từ tháng 7/2021 tới nay. Từ khi ly thân tới nay, chị H không còn tới lui thăm anh cũng như không muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị L.T.H; Về con chung: vợ chồng anh chị có 01 con chung tên Đ.L.H.K, sinh ngày 30/10/2013, hiện nay đang sống với anh. Nếu ly hôn, anh yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn đã thông báo về việc thụ lý vụ án cho chị L.T.H (theo địa chỉ: ấp H, xã Định Thành, huyện Thoại Sơn) nhưng không cấp, tổng đạt trực tiếp được. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa chỉ nơi cư trú của chị H, kết quả xác minh của Công an xã Định Thành thể hiện: tại thời điểm xác minh, chị L.T.H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ ấp H, xã Định Thành, huyện Thoại Sơn nhưng hiện nay vắng mặt tại địa phương. Do vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn là chị H đều vắng mặt và không có lý do gì về việc vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai và hòa giải về nội dung tranh chấp trong vụ án.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xem xét, quyết định. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh N được ly hôn với chị H. Về con chung: Giao 01 con chung tên Đ.L.H.K, sinh ngày 30/10/2013 cho anh N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung và nợ chung: không xem xét. Anh N yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Chị L.T.H (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Anh N và chị H kết hôn với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Định Thành, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang ngày 14/3/2013 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nay vợ chồng anh N và chị H phát sinh mâu thuẫn, anh N xin ly hôn nên Toà án thụ lý, giải quyết là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Trong quá trình hôn nhân, anh N cho rằng do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung và chị H tự ý bỏ nhà đi từ tháng 7/2021 tới nay. Thời gian ly thân, chị H không còn tới lui, thăm nom, chăm sóc anh và con, cũng như không có biện pháp để hàn gắn hạnh phúc. Tòa án đã triệu tập chị H để tham gia phiên hòa giải nhưng chị H cố tình vắng mặt và không trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của anh N thể hiện chị H không muốn hàn gắn. Xét thấy, hôn nhân giữa anh N và chị H thực tế đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của anh N được ly hôn với chị H.

[2.2] Về con chung:

Anh N xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng anh chị có 01 con chung tên Đ.L.H.K, sinh ngày 30/10/2013, hiện nay đang sống với anh. Sau ly hôn, anh yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu K hiện nay đang sống với anh N, thời gian ly thân cháu K được anh N chăm sóc tốt, phát triển bình thường và cháu K cũng có nguyện vọng được sống với anh. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu K, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho cháu, giúp cháu phát triển tốt về thể chất và tinh thần, HĐXX giao cháu K cho anh N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con, tuy nhiên anh N không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Anh N phải tạo điều kiện cho chị H được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Anh N không tranh chấp tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này giữa anh N và chị H có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Anh N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí anh N đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 8, 9, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ.V.N.

- Về hôn nhân: Anh Đ.V.N được ly hôn với chị L.T.H.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 31, ngày 14/3/2013 do Ủy ban nhân dân xã Định Thành, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang cấp cho anh Đ.V.N và chị L.T.H không còn giá trị pháp lý).

- Về con chung: Giao 01 con chung tên Đ.L.H.K, sinh ngày 30/10/2013 cho anh N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh N không có yêu cầu.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này giữa anh N và chị H có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác.

- Về án sơ thẩm: Anh Đ.V.N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008863 ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Chị L.T.H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Anh N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND h.Thoại Sơn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THADS h.Thoại Sơn;
- UBND xã Định Thành;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu VP, HS.

Mai Thị Vân